

Tuần 07, 27/02/2026

## Thăng hoa tuần đầu năm

### Tiêu điểm:

- Từ ngày 24/2, hàng hóa các nước nhập khẩu vào Mỹ chịu thuế tạm thời 10%, theo sắc lệnh Tổng thống Trump ký hôm 20/2. Động thái diễn ra sau khi Tòa án Tối cao bác bỏ các mức thuế viện dẫn Đạo luật Quyền hạn Kinh tế Khẩn cấp Quốc tế. Mỹ sẽ tăng thuế nhập khẩu bổ sung với một số nước lên 15%, thay vì 10% như hiện tại, theo Trưởng đại diện Thương mại Jamieson Greer.
- Lãi suất qua đêm liên ngân hàng giảm sâu xuống dưới 3%, Ngân hàng Nhà nước hút về hơn 10,000 tỷ
- Theo định hướng của Chính phủ, thị trường giao dịch tài sản mã hóa sẽ được đưa vào vận hành thí điểm trước ngày 28/2/2026

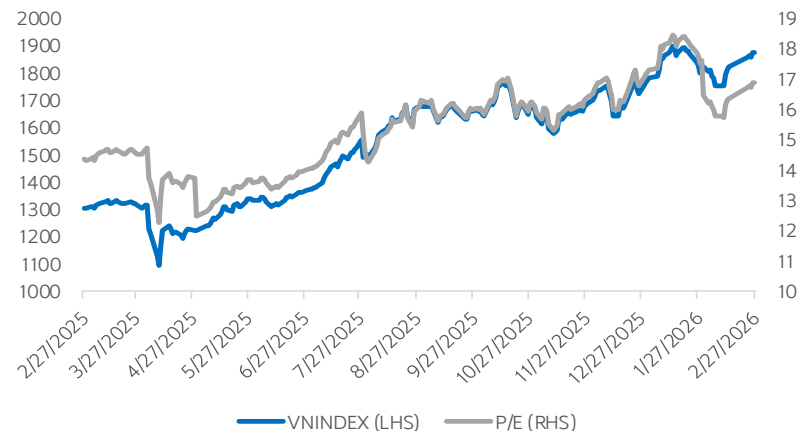
**Đánh giá:** Thị trường sau tết nhìn chung có sự tăng điểm vượt trội nhờ tâm lý hưng phấn đón chờ dòng tiền quay lại thị trường. Các thông tin tích cực liên tục hỗ trợ thị trường chung nhưng vẫn có sự phân hóa. Điển hình nhóm công nghệ đại diện là FPT bị khối ngoại bán ròng mạnh khi đứng trước áp lực giảm đi lợi thế cạnh tranh trước các công cụ AI. Thông tin thuế quan của Mỹ vẫn là ẩn số rủi ro khó đoán tuy nhiên thị trường hiện có thể đã “quen” và sẽ khó có những phiên giảm mạnh như tháng 4/2025. Nhìn chung, chúng tôi đánh giá thị trường vẫn tích cực dù vẫn phải liên tục theo dõi các yếu tố trên.

**Góc nhìn kĩ thuật:** VN-Index đóng cửa tuần tại 1,880 (+56.24 điểm, +3.08%) trên đồ thị tuần, thanh khoản cải thiện rõ. Thị trường đang trong xu hướng tăng sau khi test lại vùng hỗ trợ 1,800 trước tết. Trong ngắn hạn, áp lực chốt lời tại 1,900 là có.

**Ý tưởng đầu tư:** Nhà đầu tư ngắn hạn ưu tiên nắm giữ và chốt lời với nhóm cổ phiếu tăng mạnh và tiệm cận kháng cự tương ứng vùng 1900 điểm của VNINDEX. Với nhà đầu tư trung dài hạn, có thể nắm giữ tiếp tục khi xu hướng tăng vẫn duy trì. Nhóm chứng khoán, cảng biển, và tài nguyên cơ bản cần được chú ý khi có diễn biến khả quan.

Tên chỉ số	Dữ liệu thị trường tuần					Xu hướng	Định giá		Vốn hóa (Tỷ USD)
	Giá đóng cửa 1W	% Thay đổi					P/E	P/B	
VN-Index	1,880	3.1	2.7	11.6	5.4		16.9	2.3	336
Upcom Index	129	1.5	1.9	8.3	6.9		NA	2.1	26
HNX Index	263	2.2	3.9	0.5	5.6		13.8	1.8	16
VN30 Index	2,062	2.1	2.1	7.3	1.5		15.8	2.4	236
S&P 500 Index	6,909	0.0	-1.0	1.4	0.9		27.0	5.4	61,418
STOXX Europe 600 Index	635	0.7	3.5	10.4	7.2		18.2	2.4	19,214
Hang Seng	26,631	0.8	-1.8	2.6	3.9		13.4	1.4	3,950
Nikkei 225	58,850	3.6	10.3	17.3	16.9		23.2	2.8	6,284
SHCOMP Index	4,163							1.6	9,596
STI Index	4,995	-0.5	1.5	10.8	7.5		16.9	1.7	587
KOSPI Index	6,244	7.5	22.8	56.6	48.2		22.9	2.1	3,500

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

☎ (84-28) 5808 7603

✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,  
Cập nhật báo cáo mới nhất



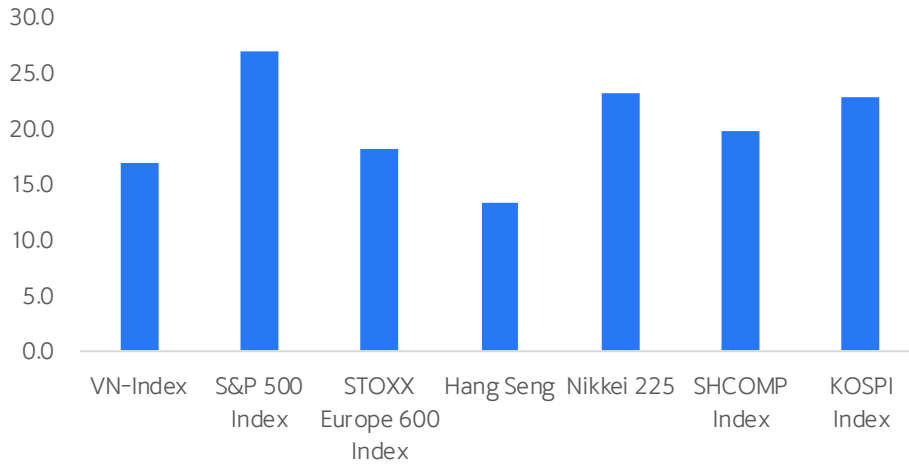
Bấm vào hình hoặc quét QR

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá			Vốn hóa (Tỷ VND)			
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current		Change	P/E	P/B
Large Cap	1.3	3.1	14.8	6.2	42.2	20.6	22.8	2.1	43.1	-2.8	15.7	2.4	7,985,823
Mid Cap	0.4	3.3	2.5	5.3	78.9	16.4	20.6	0.7	33.0	5.1	12.1	1.3	496,159
Small Cap	-0.2	-1.9	-5.7	-3.8	38.4	3.9	-1.4	-11.3	23.8	-2.3	11.9	0.7	66,824

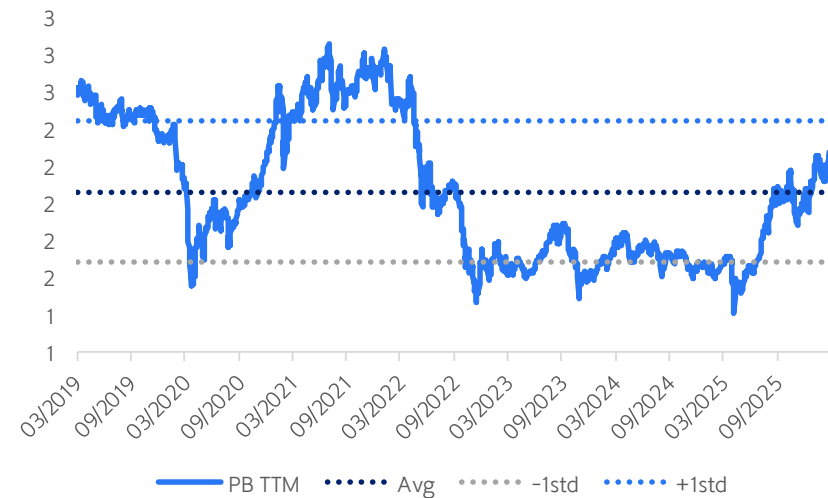
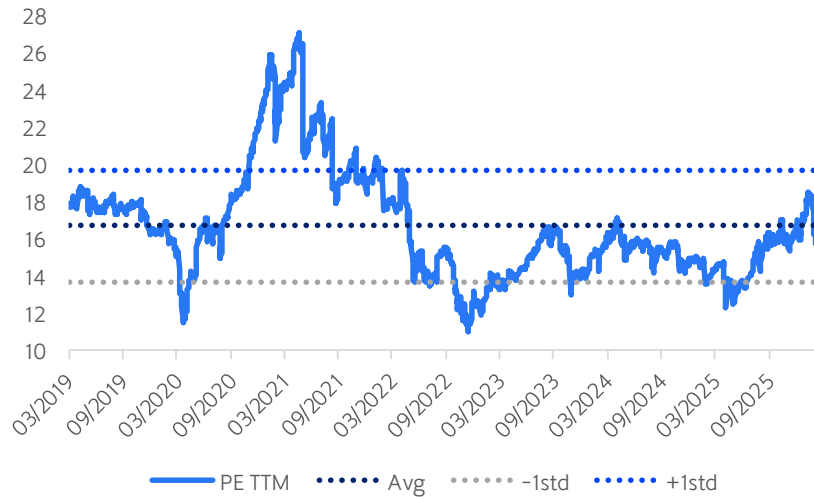
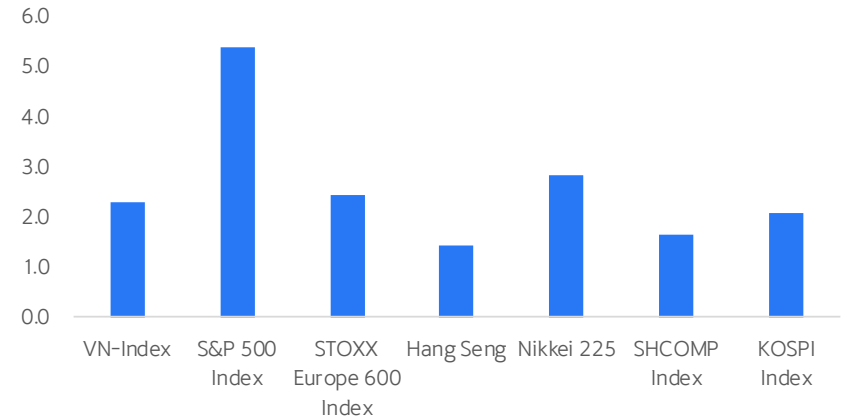
Theo ngành	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD		Định giá			Vốn hóa (Tỷ VND)			
	Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD		Current	Change	P/E
Dầu khí	13.1	24.7	85.6	74.8	121.6	13.6	47.6	-1.5	3.0	1.0	31.9	2.9	251,125
Tài nguyên cơ bản	4.1	8.1	7.9	10.3	99.8	4.0	2.6	-14.7	3.1	0.8	14.9	1.5	266,329
Hóa chất	4.1	4.7	27.2	38.2	250.0	108.0	110.0	83.0	15.2	8.6	18.2	2.2	264,203
Bất động sản	2.6	7.5	12.8	-5.7	46.0	5.9	-2.9	-13.1	11.4	-0.4	27.3	3.1	2,201,984
Tài chính	2.1	7.0	16.9	17.7	-1.4	-17.3	-20.7	-32.0	3.5	-1.9	17.6	2.0	423,043
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	2.0	4.6	-0.3	1.2	26.2	-2.7	-0.6	-12.6	16.1	-3.2	18.2	2.4	267,894
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.5	4.6	18.1	16.1	24.9	26.4	26.6	16.4	4.1	-0.9	12.2	1.9	68,809
Truyền thông	1.1	1.1	6.5	8.1	-39.8	20.7	-67.3	-8.7	0.0	0.0	27.2	1.5	2,904
Bán lẻ	0.8	9.9	16.5	8.1	41.5	-28.9	14.2	-10.4	1.0	-0.1	22.0	4.1	187,642
Xây dựng và vật liệu	0.6	5.6	-0.8	5.1	49.9	5.3	-5.8	-12.1	4.0	0.0	11.4	1.5	151,349
Tiện ích	0.4	-2.8	41.0	27.0	65.6	3.4	32.3	-8.4	5.0	0.4	16.7	2.5	413,584
Dược và Y tế	-0.3	0.7	6.4	4.2	12.8	-23.4	-18.9	-30.6	5.0	-1.7	19.2	2.3	41,888
Ngân hàng	-0.4	-1.3	10.7	8.6	11.4	-19.4	-1.9	-29.5	5.6	-2.0	10.2	1.7	2,786,704
Bảo hiểm	-0.7	14.0	44.0	33.1	32.1	-20.1	-36.5	-41.0	0.7	-0.1	17.0	2.1	73,949
Ô tô & Phụ tùng	-0.8	8.5	7.0	6.3	80.9	60.3	25.5	15.7	4.3	0.7	6.9	1.4	18,404
Du lịch và Giải trí	-1.0	-3.0	-12.6	-10.0	29.8	33.6	-11.8	-19.9	6.2	-1.0	26.4	5.0	339,342
Thực phẩm và đồ uống	-1.6	0.9	1.3	4.9	43.5	-22.8	-30.2	-32.4	1.9	-0.1	15.8	2.6	458,918
Công nghệ Thông tin	-1.7	-8.4	-3.5	-2.0	49.1	148.0	215.4	142.8	9.8	-0.1	16.8	3.7	174,748

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

### P/E



### P/B



# WEEKLY SNAPSHOT

## Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư



Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	31,524.0	24,291.8	120,517.0
Ấn độ	922.1	2,556.5	-703.8	-703.8
Indonesia	333.5	62.5	-526.2	-526.2
Nhật Bản*	2,592.1	15,373.9	34,229.5	34,229.5
Maylaysia	-12.4	70.6	329.6	329.6
Hàn Quốc	-2,837.5	-8,834.1	-8,391.0	-13,303.8
Sri Lanka	-2.1	-29.1	-51.0	-51.0
Đài Loan	4,837.2	7,999.0	9,808.1	9,808.1
Thái Lan	13.5	1,711.5	1,852.1	1,852.1
Việt Nam	-191.3	-312.0	-523.4	-523.4

\*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
<b>Tổng các quỹ ETF</b>	<b>2,828</b>	<b>-4.9</b>	<b>1.0</b>	<b>-58.6</b>	<b>-562.0</b>
<b>Nước ngoài</b>	<b>1,956</b>	<b>-2.4</b>	<b>2.1</b>	<b>-51.9</b>	<b>-431.1</b>
VanEck Vectors Vietnam ETF	660	0.0	-3.7	48.0	-0.7
Fubon FTSE Vietnam ETF	467	-2.4	0.1	-52.3	-382.5
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	-1.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	395	0.0	5.8	10.6	-25.2
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	227	0.0	0.0	-58.2	-12.2
Premia MSCI Vietnam ETF	7	0.0	0.0	0.0	-9.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
<b>Trong nước</b>	<b>872</b>	<b>-2.5</b>	<b>-1.1</b>	<b>-6.7</b>	<b>-130.9</b>
DCVFMVN Diamond ETF	556	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	246	-0.3	-0.3	-6.3	-118.2
SSIAM VNFIN LEAD ETF	23	0.0	0.8	1.9	-2.4
MAFN VN30 ETF	33	-2.4	-1.9	-2.8	-8.8
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	0.0	0.2	-1.0
VinaCapital VN100 ETF	0	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9	0.2	0.3	0.3	-0.5

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

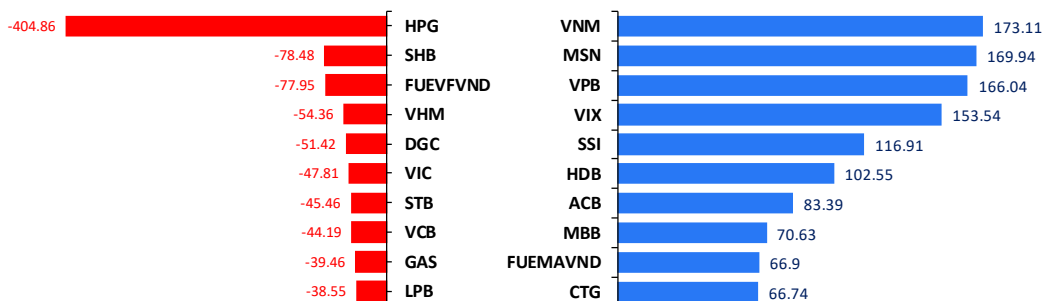
WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

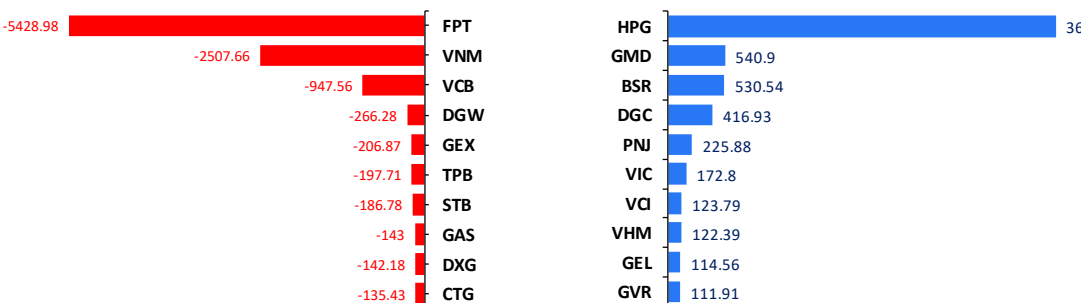
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

### Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



### Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



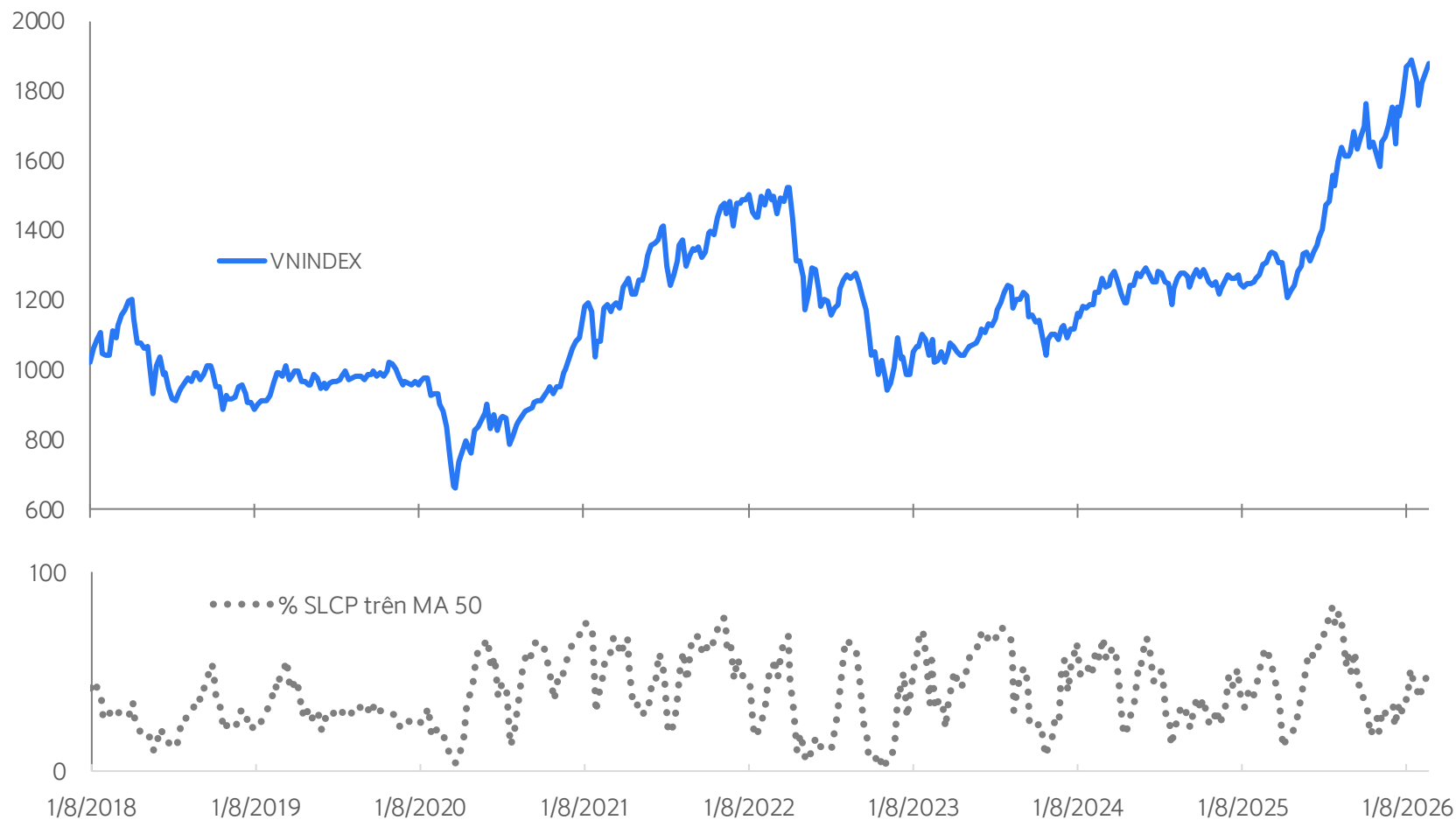
Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

### Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-139	-401	-80	481
Tài nguyên Cơ bản	-411	3,766	-2,083	-1,683
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-9	365	-190	-175
Y tế	1	9	-36	28
Hóa chất	-62	540	-179	-360
Dịch vụ tài chính	243	79	360	-439
Du lịch và Giải trí	-18	-63	135	-72
Ngân hàng	370	-1,595	744	851
Xây dựng và Vật liệu	17	-68	-33	101
Thực phẩm và đồ uống	324	-2,581	546	2,034
Bán lẻ	18	-414	331	84
Điện, nước & xăng dầu khí	-36	-85	123	-38
Hàng cá nhân & Gia dụng	-30	225	-4	-221
Công nghệ Thông tin	25	-5,424	2,513	2,911
Ô tô và phụ tùng	2	-57	82	-25
Bảo hiểm	1	22	33	-55
Dầu khí	29	599	-358	-240
<b>Tổng</b>	<b>325</b>	<b>-5,083</b>	<b>1,903</b>	<b>3,180</b>

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	51	Neutral	Neutral	DXG	43	Neutral	Weak	BVH	59	Neutral	Strong	HPG	62	Strong	Strong	GEX	54	Strong	Neutral
MBB	61	Neutral	Strong	NVL	43	Neutral	Weak	BMI	46	Neutral	Strong	NKG	57	Strong	Strong	VSC	69	Too hot	Strong
HDB	50	Neutral	Neutral	DIG	36	Weak	Weak	BIC	46	Too hot	Strong	HSG	52	Neutral	Neutral	PVT	70	Too hot	Strong
VPB	57	Strong	Neutral	VRE	45	Neutral	Weak	VIX	49	Neutral	Neutral	SMC	36	Weak	Weak	GMD	83	Too hot	Strong
MSB	49	Neutral	Neutral	PDR	34	Weak	Weak	SSI	61	Strong	Strong	CII	42	Neutral	Weak	HAH	64	Strong	Strong
TCB	58	Neutral	Strong	VIC	65	Too hot	Strong	VND	49	Neutral	Neutral	HHV	50	Neutral	Neutral	GEE	52	Strong	Weak
EIB	59	Strong	Strong	KDH	42	Neutral	Weak	VCI	66	Strong	Strong	VCG	39	Neutral	Weak	VOS	66	Too hot	Strong
ACB	59	Neutral	Neutral	VHM	49	Strong	Weak	HCM	57	Strong	Strong	PCI	76	Too hot	Strong	APH	44	Neutral	Neutral
TPB	64	Strong	Strong	TCH	41	Neutral	Weak	TCX	78	Too hot	Strong	FCN	40	Neutral	Weak	VTP	42	Weak	Weak
STB	64	Strong	Strong	KBC	51	Neutral	Neutral	ORS	57	Neutral	Strong	VGC	54	Neutral	Strong	SBG	36	Neutral	Weak
CTG	50	Neutral	Neutral	HDG	53	Neutral	Neutral	VDS	60	Neutral	Strong	DPG	63	Strong	Strong	REE	48	Neutral	Neutral
VIB	47	Neutral	Neutral	HDC	42	Neutral	Weak	FTS	48	Neutral	Neutral	CTD	67	Too hot	Strong	PAC	50	Neutral	Neutral
SSB	41	Neutral	Neutral	NLG	42	Neutral	Weak	CTS	51	Neutral	Neutral	CTR	50	Neutral	Neutral	TV2	68	Strong	Strong
VCB	45	Weak	Neutral	DXS	38	Neutral	Weak	BSI	51	Neutral	Neutral	HT1	67	Too hot	Strong	TCM	48	Neutral	Neutral
NAB	38	Neutral	Neutral	NTL	46	Neutral	Neutral	TCI	56	Neutral	Neutral	CTI	56	Neutral	Strong	TLG	61	Strong	Strong
OCB	45	Neutral	Neutral	SIP	59	Neutral	Strong	TVB	50	Neutral	Neutral	BMP	43	Neutral	Weak	PNJ	63	Neutral	Strong
BID	46	Weak	Strong	SZC	56	Neutral	Strong	DSE	51	Neutral	Neutral					MSH	62	Strong	Strong
LPB	56	Neutral	Neutral	BCM	51	Neutral	Neutral												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm & đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	40	Weak	Weak	PVD	75	Too hot	Strong	MSN	48	Neutral	Neutral	YEG	42	Weak	Weak	VPL	41	Weak	Weak
SAM	39	Neutral	Weak	BSR	85	Too hot	Strong	VNM	48	Neutral	Neutral	DCL	56	Neutral	Strong	VJC	49	Neutral	Weak
ELC	28	Weak	Weak	PLX	60	Neutral	Strong	DBC	42	Weak	Weak	DBD	63	Neutral	Strong	HVN	53	Neutral	Neutral
CMG	48	Neutral	Neutral	POW	60	Strong	Strong	BAF	52	Neutral	Neutral	TNH	43	Neutral	Neutral	SCS	65	Strong	Strong
MWG	61	Neutral	Strong	NT2	66	Neutral	Strong	SAB	45	Neutral	Neutral	JVC	47	Neutral	Weak	VNG	49	Neutral	Neutral
DGW	56	Neutral	Strong	GAS	54	Neutral	Strong	ANV	49	Neutral	Neutral					HAX	56	Neutral	Strong
PET	70	Too hot	Strong	GEG	54	Neutral	Neutral	VHC	51	Neutral	Strong					DRC	54	Neutral	Neutral
FRT	58	Neutral	Strong	PPC	52	Neutral	Neutral	MCH	12	Weak									

### Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	FPT	96.3	112	96	16.3%	Khối ngoại tham gia mua ròng mạnh, cổ phiếu đã chiết khấu sâu và tích lũy chặt từ đầu năm
2	PHR	60.4	74	NA	22.5%	Kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận được hỗ trợ bởi việc chuyển đổi đất cao su sang khu công nghiệp. Giá và thanh khoản có dấu hiệu cải thiện rõ nét trên MA 50
3	DCM	39.2	NA	36	NA	Kỳ vọng bật tăng tại hỗ trợ mở ra cơ hội mua mới. Nhóm ngành phân bón được hưởng lợi nhờ chính sách thuế VAT đầu ra và giá phân bón kỳ vọng neo cao
4	KDH	28.3	34	NA	NA	Nhóm bất động sản bị chiết khấu mạnh. KDH có sức khỏe tài chính lành mạnh được kỳ vọng là khoản đầu tư trung dài hạn. Chờ đợi các tín hiệu kỹ thuật trong ngắn hạn có thể mở mua mới

### HSX

#### Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CLW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.45 - 114.50	42.1	-12.3%
2	ELC	Công nghệ Thông tin	17.43 - 26.80	20.4	-11.3%
3	TPC	Hóa chất	1.73 - 25.55	11.9	-11.2%
4	TCH	Bất động sản	11.90 - 25.00	15.2	-8.7%
5	DTL	Tài nguyên Cơ bản	9.25 - 16.85	11.3	-8.5%

\* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

#### Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
39.6%	48.5	12.50 - 72.50	Hóa chất	HRC
27.3%	31.2	9.01 - 32.00	Dầu khí	BSR
25.6%	11.0	4.33 - 11.10	Tài nguyên Cơ bản	TNT
24.0%	3.3	1.77 - 3.96	Bất động sản	DRH
21.7%	11.0	32.65 - 74.50	Hóa chất	BFC

### HNX

#### Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SDU	Xây dựng và Vật liệu	14.30 - 28.80	14.3	-18.8%
2	GDW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	28.90 - 49.50	39.0	-18.8%
3	PHN	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.90 - 78.00	62.0	-12.7%
4	AMV	Y tế	1.90 - 2.80	2.1	-12.5%
5	HEV	Truyền thông	7.10 - 21.90	7.1	-11.3%

#### Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
31.7%	23.7	18.00 - 35.00	Du lịch và Giải trí	SGH
27.0%	17.4	6.20 - 17.40	Thực phẩm và đồ uống	HKT
26.9%	17.0	7.40 - 17.10	Dầu khí	PVC
25.8%	11.2	7.50 - 13.50	Công nghệ Thông tin	VLA
20.8%	14.5	6.50 - 32.70	Công nghệ Thông tin	VTC

### Upcom

#### Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DMS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4.00 - 10.40	5.4	-40.0%
2	FGL	Thực phẩm và đồ uống	4.10 - 10.10	4.1	-39.7%
3	VHF	Thực phẩm và đồ uống	4.50 - 19.50	4.5	-39.2%
4	ICC	Tiêu dùng không thiết yếu	20.00 - 65.40	35.7	-38.4%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	3.80 - 8.90	5.8	-34.1%

#### Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
59.3%	43.0	15.10 - 47.80	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HPB
58.5%	6.5	3.50 - 7.90	Xây dựng và Vật liệu	LG9
40.0%	14.0	10.00 - 19.00	Thực phẩm và đồ uống	BHK
35.3%	6.9	3.00 - 8.00	Xây dựng và Vật liệu	PSB
29.9%	30.4	12.10 - 30.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	ILS

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

### Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	TDM	Nước Thủ Dầu Một	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1,205.8	20,372.6	58.0	3.65 - 5.73	7.3
2	PGV	Tổng Công ty Phát điện 3	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1,434.9	392.2	26.3	16.25 - 114.20	8.5
3	FMC	Thực phẩm Sao Ta	Thực phẩm và đồ uống	9,841.6	390.8	43.0	32.40 - 50.20	11.3
4	TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Ngân hàng	400,568.1	331.0	18.4	10.57 - 21.71	5.1
5	LHG	KCN Long Hậu	Bất động sản	3,261.6	307.6	29.6	24.05 - 37.70	1.4
6	LIX	Bột giặt LIX	Hàng cá nhân & Gia dụng	1,066.8	300.1	38.0	25.30 - 42.15	1.3
7	PVP	Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2,365.2	266.6	16.0	12.15 - 17.30	7.8
8	NCT	DV Hàng hóa Nội Bài	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,689.8	258.8	97.0	15.50 - 116.00	0.6
9	NKG	Thép Nam Kim	Tài nguyên Cơ bản	90,974.6	231.2	15.8	11.05 - 20.40	5.7
10	CKG	Xây dựng Kiên Giang	Bất động sản	690.0	214.5	9.9	9.01 - 27.35	7.9

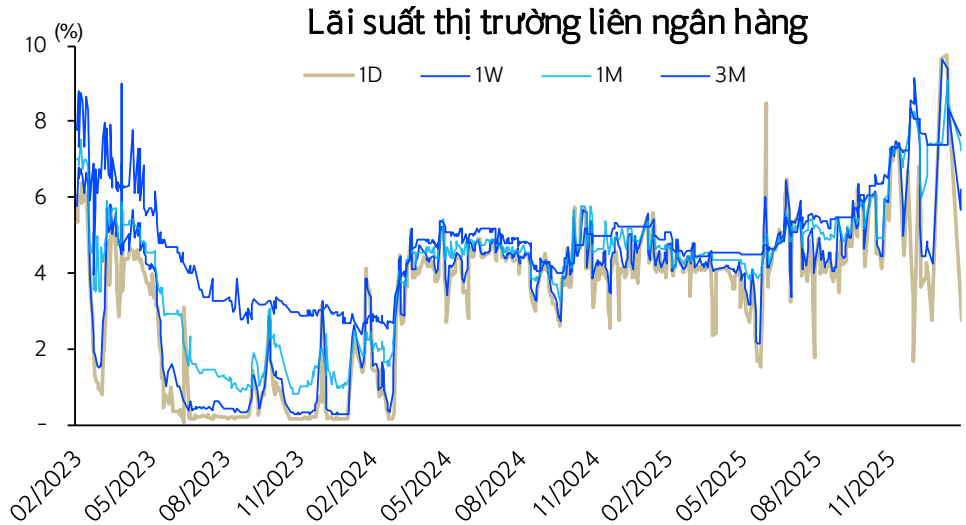
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

### Tỷ giá

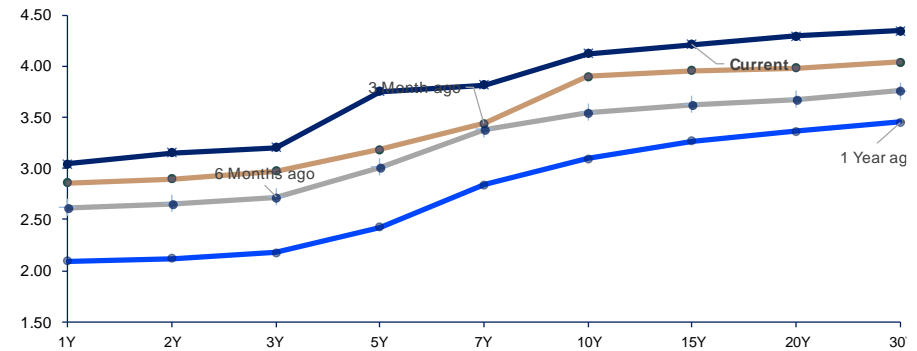
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	97.69	-0.1	1.5	-1.9	-0.6	
VND/USD	26,051	0.3	-0.3	-1.2	-0.9	
KRW/USD	1,439.55	-0.5	0.1	-1.6	0.0	
JPY/USD	156.14	0.7	2.6	-0.1	-0.4	
EUR/USD	0.85	-0.2	2.0	-1.8	-0.5	
SGD/USD	1.27	-0.2	0.3	-2.5	-1.6	
CNY/USD	6.86	-0.7	-1.4	-3.1	-1.9	

### Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	65.62	-1.2	5.2	11.9	14.3	
Xăng	203.95	2.1	9.3	8.0	19.6	
Gas	2.83	-7.1	-59.3	-37.9	-23.2	
Than	115.80	-0.3	6.6	4.2	7.7	
Vàng	5,178.07	1.4	0.0	24.5	19.9	
Bạc	89.48	5.7	-20.2	67.6	24.9	
Platinum	2,368.22	9.7	-10.8	46.7	14.9	
Quặng sắt	99.03	-0.6	-6.7	-5.4	-7.6	
Thép cán	3,244.00	-0.3	-1.2	-1.7	-0.8	
Lúa mì	577.00	0.6	10.3	9.1	13.8	
Ngô	434.50	1.6	1.9	0.6	-1.3	



### Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.04	3.15	3.20	3.75	3.82	4.12	4.21	3.95	3.62
Thay đổi (WoW)	3.80	0.20	0.20	0.00	0.70	0.60	0.70	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

## SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd  
Shinhan Investment Tower  
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,  
Seoul, Korea 150-712  
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702  
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.  
1325 Avenue of the Americas Suite 702,  
New York, NY 10019  
Tel : (1-212) 397-4000  
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.  
Unit 7705 A, Level 77  
International Commerce Centre  
1 Austin Road West  
Kowloon, Hong Kong  
Tel : (852) 3713-5333  
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia  
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.  
22-23, Jakarta, Indonesia  
Tel : (62-21) 5140-1133  
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.  
Shanghai Representative Office  
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,  
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China  
Tel : (86-21) 6888-9135/6  
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,  
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.  
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.  
Tel : (84-8) 6299-8000  
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.  
Hanoi Branch  
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,  
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,  
Hanoi, Vietnam.  
Tel : (84-8) 6299-8000



## Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

## Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.